

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTT22B2**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH04024**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Cây lương thực**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201102473	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	20/08/2007				8	9.0	8.0	8.5	8.0	9.0	6.0		7.0
2	2256201102474	Bùi Thị Yến	Nhi	18/11/2006				6	5.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.6
3	2256201102476	Huỳnh Thanh	Phúc	14/08/2006				0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
4	2256201102478	Giáp Văn	Quý	16/04/2007				7	7.5	7.0	7.0	7.0	8.0	5.0		5.9
5	2256201102480	Lê Hoàng	Thanh	07/11/2007				0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
6	2256201102481	Nguyễn Đặng Phước	Thiện	29/12/2006				6	7.5	8.0	8.0	8.0	8.5	9.0		8.5
7	2256201102482	Nguyễn Thị Kim	Thoa	20/03/2006				6.5	7.0	7.0	7.5	7.0	7.0	8.5		7.9
8	2256201102485	Trần Bảo	Trâm	09/06/2007				8	8.0	8.0	8.5	8.0	9.0	6.0		6.9
9	2256201102486	Dương Thị Mai	Trình	28/05/2007				6	5.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.6
10	2256201102488	Lý Quốc	Trung	20/02/2007				5	5.0	6.0	7.0	6.0	7.0	9.0		7.8
11	2256201102489	Phạm Lê	Tuấn	30/04/2007				5	5.0	6.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0
12	2256201102490	Nguyễn Kim	Yến	17/04/2006				6.5	7.0	7.0	7.0	7.5	7.0	9.0		8.2

Châu Đốc, ngày 1 tháng 7 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Huỳnh Kim Tiên